

Bản án số: 57/2022/KDTM-ST  
Ngày: 29-4-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Tụ
- Ông Lê Văn Quý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 709/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1392/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 6107/2021/UQ-PGD ngày 30 tháng 6 năm 2021)

**2. Bị đơn:** Công ty D

Địa chỉ trụ sở: Số 60/3/11 đường U, phường O, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê H, sinh năm 1983 là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 60/3/11 đường U, phường O, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lê H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 60/3/11 đường U, phường O, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:

Công ty D vay vốn tại Ngân hàng T – Chi nhánh G theo Hợp đồng cho vay từng lần số SME/EGV/17/0155/HDTD ngày 05/9/2017, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 22%/năm có điều chỉnh, thời hạn vay 36 tháng, ngày giải ngân 05/9/2017, ngày đến hạn 05/9/2020, mục đích vay thanh toán tiền mua dầu DO 0,05% theo Hợp đồng kinh tế số 008/HĐKT/VA-ĐNV ngày 01/8/2017 cho Công ty TNHH I. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê H theo Hợp đồng bảo lãnh SME/EGV/17/0155/HDBL ngày 05/9/2017. Ngày 05/9/2017 nguyên đơn và bị đơn cùng lập Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/EGV/17/0155/HDTD-01 với nội dung bị đơn nhận nợ tiền vay với số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn cố tình không hoàn trả nợ vay. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2022 là 633.647.122 đồng (nợ gốc là 267.774.452 đồng, lãi trong hạn là 6.762.895 đồng, lãi quá hạn là 302.731.576 đồng, lãi chậm trả là 56.378.199 đồng). Ngoài ra bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê H có trách nhiệm thanh toán tất cả khoản tiền trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty

D có địa chỉ trụ sở tại Số 60/3/11 đường U, phường O, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 05 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng T - Chi nhánh G và Công ty D ký Hợp đồng cho vay từng lần số SME/EGV/17/0155/HDTD gồm các nội dung chủ yếu sau: Hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua dầu DO 0,05% theo Hợp đồng kinh tế số 008/HĐKT/VA-ĐNV ngày 01/8/2017 cho Công ty TNHH I. Thời hạn vay: 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Mỗi lần có nhu cầu được giải ngân, các bên sẽ ký kết một khế ước nhận nợ để ghi nhận thông tin chi tiết về khoản vay. Kèm theo hợp đồng là Điều kiện giao dịch chung. Xét hợp đồng tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi số tiền 267.774.452 đồng nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn thông qua Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/EGV/17/0155/HDTD-01 ngày 05/9/2017, số tiền 500.000.000 đồng. Khế ước nhận nợ có thời hạn cho vay là 36 tháng. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần sau 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bằng lãi suất bán vốn + biên độ 14,5%/năm. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận. Bị đơn đã trả được 232.225.548 đồng tiền gốc, còn nợ 267.774.452 đồng nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng cho vay từng lần số SME/EGV/17/0155/HDTD ngày 05 tháng 9 năm 2017, Khế ước nhận nợ lần

1/Số: SME/EGV/17/0155/HDTD-01 ngày 05 tháng 9 năm 2017 nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 267.774.452 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 6.762.895 đồng lãi trong hạn, 302.731.576 đồng lãi quá hạn và 56.378.199 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2022 và tiền lãi phát sinh từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng:

Xét Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 22%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần sau 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn được Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cấp vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay và được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Ngân hàng và bên vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Xét theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 6.762.895 đồng lãi trong hạn, 302.731.576 đồng lãi quá hạn, 56.378.199 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hợp đồng cho vay từng lần số SME/EGV/17/0155/HDTD ngày 05 tháng 9 năm 2017, Khế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/EGV/17/0155/HDTD-01 ngày 05 tháng 9 năm 2017, là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 30 tháng 4 năm 2022 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán hết nợ.

[6] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Ngày 05 tháng 9 năm 2017, Ngân hàng T - Chi nhánh G và ông Lê H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/17//01/0155/HDBL, với nội dung: Ông H đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bị đơn trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: Trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của bị đơn với nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng cho vay từng lần số SME/EGV/17/0155/HDTD ngày 05 tháng 9 năm 2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa hai bên, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Việc bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh cho đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với nguyên đơn theo các văn kiện tín dụng. Xét hợp đồng bảo lãnh có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều

335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do đó, trong trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì ông Lê H có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty D toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ nêu trên.

[7] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T,

Buộc Công ty D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T 267.774.452 đồng nợ gốc, 6.762.895 đồng lãi trong hạn, 302.731.570 đồng lãi quá hạn và 56.378.199 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hợp đồng cho vay từng lần số SME/EGV/17/0155/HDTD ngày 05 tháng 9 năm 2017, Kế ước nhận nợ lần 1/Số: SME/EGV/17/0155/HDTD-01 ngày 05 tháng 9 năm 2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Công ty D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T, buộc ông Lê H có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty D toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ nêu trên.

2. Về án phí: Công ty D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.345.885 đồng.

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng T 10.956.089 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0030175 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Mai**

